

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ KHÍ VIỆT PHÁP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CƠ KHÍ VIỆT PHÁP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET PHAP MECHANICS CONSTRUCTION COMPANY LIMITED.

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109009265

**3. Ngày thành lập:** 29/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3A, ngách 129/5/18 ngõ 129 phố Gia Quất, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2591        |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592(Chính) |
| 3.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác: Cho thuê xe cần cẩu, máy phát điện                                                                                                                                                                                                                       | 7710        |
| 4.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng ( kể cả máy vi tính) - Dụng cụ máy, thiết bị đo lường và điều khiển, máy móc công nghiệp, cho thuê container, cần cẩu - Cho thuê máy phát điện, thiết bị nâng hạ | 7730        |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 8.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                      | 4520        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                | 4649 |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4653 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng ( trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn tàu, ca nô | 4659 |
| 13. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7721 |
| 14. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4542 |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3312 |
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4530 |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5229 |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101 |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610 |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312 |
| 23. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3315 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                          | 4752 |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2392 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2393 |
| 28. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2394 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế - Bán buôn sơn và véc ni - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn - Bán buôn kính phẳng - Bán buôn đồ ngũ kim và khóa - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác - Bán buôn bình đun nước nóng - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...<br>Bán buôn hàng kim khí | 4663 |
| 30. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Sửa chữa tàu, ca nô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3319 |
| 31. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320 |
| 32. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1709 |
| 33. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 34. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4932 |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 37. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư ( không bao gồm tư vấn tài chính, tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6619 |
| 38. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |

**6. Vốn điều lệ:** 850.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN VĂN ĐUỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/08/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151445197*

Ngày cấp: *21/04/2014*

Nơi cấp: *Công An Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Hùng Thắng, Xã Hồng An, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 12, phố Trạm, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội